

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Đạt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hương

2. Ông Phạm Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Lê Muộn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27-5-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15-6-2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Phạm Thị L, sinh năm 1980** (có mặt)

Bị đơn: **Ông Đồng Vĩ Q, sinh năm 1977** (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố x, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29-12-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà **Phạm Thị L** trình bày:

Bà Phạm Thị L và ông Đồng Vĩ Q chung sống với nhau từ năm 2000, đến năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P vào ngày 09-7-2012.

Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Đồng Vĩ Q có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, bà L đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông Q không thay đổi. Làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, trầm trọng. Vợ chồng không còn chung sống từ năm 2018 đến nay, mạnh ai người nấy sống, không quan tâm đến nhau, bỏ mặc muốn sống ra sao thì sống. Bà L không còn tình cảm yêu thương ông Đồng Vĩ Q nữa, tình cảm bà L đối với ông Q đã hết hoàn toàn, nay bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn ông Đồng Vĩ Q. Bà L đã suy nghĩ kỹ, cương

quyết ly hôn.

+ Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung tên Đồng Thị Mỹ D3, sinh năm 2002 (đã 20 tuổi mạnh khỏe); Đồng Thị Mỹ D, 05-8-2007; Đồng Thị Mỹ D1, sinh 20-5-2009; Đồng Thị Mỹ D2, sinh 29-01-2012. Hiện nay các con đang ở với bà L. Ly hôn bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung dưới 18 tuổi, không yêu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay bà L làm nghề bán vé số, bán trái cây và buôn bán ve chai hàng tháng thu nhập bình quân khoảng 10.000.000đ, đủ khả năng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn ông Đồng Vĩ Q vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng.

- Tại phiên tòa bà Phạm Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng Bị đơn vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đã phân tích đánh giá tài liệu, chứng cứ, thực trạng hôn nhân của bà Phạm Thị L và ông Đồng Vĩ Q, đề nghị: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị L được ly hôn ông Đồng Vĩ Q.

Về con chung: Giao 03 con chung tên Đồng Thị Mỹ D, 05-8-2007; Đồng Thị Mỹ D1, sinh 20-5-2009; Đồng Thị Mỹ D2, sinh 29-01-2012 cho bà Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đồng Vĩ Q không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Phạm Thị L án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Phạm Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con đối với bị đơn ông Đồng Vĩ Q, vì vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn ông Đồng Vĩ Q cư trú tại Khu phố x, thị trấn P, huyện N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015.

[1.2] - Về sự vắng mặt của bị đơn ông Đồng Vĩ Q: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông Đồng Vĩ Q vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Thị L và ông Đồng Vĩ Q tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 175/2012, quyển số 01, ngày 09-7-2019; Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Đồng Vĩ Q, vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gay gắt, trầm trọng, xa cách thời gian dài, không ai đặt vấn đề trở lại chung sống đoàn tụ.

Xét thấy: Nguyên nhân dẫn đến ly hôn do vợ chồng ông Đồng Vĩ Q và bà Phạm Thị L thường xuyên cãi vã gay gắt, xúc phạm nhau, ông Đồng Vĩ Q không quan tâm đến bà Phạm Thị L, vợ chồng không còn chung sống từ năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống, bà Phạm Thị L không còn yêu thương ông Đồng Vĩ Q nữa.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương cung cấp: Hiện tại vợ chồng bà Phạm Thị L và ông Đồng Vĩ Q không còn chung sống với nhau từ năm 2018 đến nay, bỏ mặc nhau muốn sống ra sao thì sống, không còn khả năng đoàn tụ.

- Đối với bị đơn ông Đồng Vĩ Q dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, các văn bản tố tụng, niêm yết công khai nhiều lần theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng vẫn cố tình không đến. Bị đơn ông **Đồng Vĩ Q** vắng mặt xem như từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, chứng tỏ yêu cầu khởi kiện ly hôn và lời khai của bà Phạm Thị L là có căn cứ.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng bà Phạm Thị L và ông Đồng Vĩ Q đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị L là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà Phạm Thị L và ông Đồng Vĩ Q có 04 con chung, một con chung đã trên 18 tuổi, mạnh khỏe; 03 con dưới 18 tuổi tên Đồng Thị Mỹ D, 05-8-2007; Đồng Thị Mỹ D1, sinh 20-5-2009; Đồng Thị Mỹ D2, sinh 29-01-2012; hiện nay các con đang ở với bà L. Ly hôn bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu ông Quyền cấp dưỡng nuôi con.

Xét về yêu cầu trực tiếp nuôi con của bà Phạm Thị L, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Phạm Thị L là người trực tiếp chăm sóc con chung từ nhỏ đến nay; con chung mạnh khỏe, quyền lợi về mọi mặt của con chung được đảm bảo; đồng thời các con chung có nguyện vọng xin được ở với mẹ là bà Phạm Thị L, do đó

phải tôn trọng ý kiến của các con chung là có căn cứ; Vì vậy nên giao 03 con chung tên Đồng Thị Mỹ D, 05-8-2007; Đồng Thị Mỹ D1, sinh 20-5-2009; Đồng Thị Mỹ D2, sinh 29-01-2012 cho bà Phạm Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đồng Văn Q không cấp dưỡng nuôi con chung do bà L không yêu cầu, là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện N tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị L. Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị L và ông Đồng Văn Q .

2. Về con chung:

Giao giao 03 con chung tên Đồng Thị Mỹ D, 05-8-2007; Đồng Thị Mỹ D1, sinh 20-5-2009; Đồng Thị Mỹ D2, sinh 29-01-2012 cho bà Phạm Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đồng Văn Q không cấp dưỡng nuôi con chung do bà L không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí:

Bà Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà L đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0002211, ngày 05-01-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Bà Phạm Thị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn không có mặt tại phiên tòa, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- UBND TT P, N;
- Chi cục THADS huyện N;
- TAND tỉnh;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Đạt

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hương Phạm Ngọc Minh

Trần Quốc Đạt